**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ P**
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2017

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH TIỀN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Hồng Tâm**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Trần Văn Tám**.
2. Ông **Đặng Hữu Tiếp**.

- *Thư ký phiên toà*: Ông **Võ Phong Hiếu.**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thanh Bình**, Kiểm sát viên.

**T**rong ngày **08** tháng **9** năm **2017** tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 167/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2017 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **N**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn*: Anh **V**, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp P, xã L, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N xin vắng mặt; vắng mặt anh V)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/5/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N trình bày:

Chị và anh V kết hôn, có đăng ký kết hôn và được UBND xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 20/01/2006. Trong quá trình sống chung, giữa chị và anh V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn có tính tình không hợp, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc cho nhau. Chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và đã ly thân anh V hơn 03 năm nay.

Nay chị xin được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Có 01 con chung tên T, sinh ngày 21/02/2007 hiện do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn V đã được Tòa án tống đạt hợp N các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn N có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Bị đơn V đã được Toà án triệu tập hợp N nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị N và anh V kết hôn, có đăng ký kết hôn và được UBND xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 20/01/2006, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị N cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không hợp, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Mặc dù chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Chị đã về nhà cha mẹ ruột tại ấp N, xã T, huyện G và đã ly thân với anh V hơn 03 năm nay.

Bị đơn V đã được Tòa án tống đạt hợp N các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N cũng như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Như vậy, anh V không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, giữa anh V và chị N không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau, nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh V là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, giữa chị N và anh V có với nhau 01 con chung tên T, sinh ngày 21/02/2007 hiện do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Anh V vắng mặt và không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị N về người nuôi dưỡng con chung, cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét, việc chị N yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu anh V là phù hợp với nguyện vọng của cháu T cũng như phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Tiền Giang phát biểu: Về tố tụng, trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự…Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần HĐXX. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị HĐXX áp

dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh V, giao con chung tên T, sinh ngày 21/02/2007 cho chị N nuôi dưỡng và anh V không cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu; tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết; chị N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Pháp Nnh án phí, N phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và N phí tòa án.

**Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị N được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên T, sinh ngày 21/02/2007 cho chị N nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh V có quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh V thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000803 ngày 22/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Chị N và anh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp N bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Lê Thị Hồng Tâm**